VIỆN KHOA HỌC
KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU
TRUNG TÂM
NGHIÊN CỨU THỦY VĂN VÀ HẢI VĂN
———————— ~*~ ————————

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
————————o0o————————

BẢN TIN DỰ BÁO MỰC NƯỚC VÀ SÓNG BIỂN

(Lúc 13 giờ – 06Z ngày 10/04/2020)

		Mực nước tổng cộng dự báo trong 48 giờ (cm)								
		10/04		11/04				12/04		
Tỉnh/ TP	Huyện	13h	19h	1h	7h	13h	19h	1h	7h	13h
Quảng Ninh	Đầm Hà	13	19	1	7	13	19	1	7	13
	Cửa Ông	24	33	85	-51	-46	20	92	-60	-145
TP. Hải Phòng	Hòn Dáu	12	48	72	-44	-43	23	109	-39	-115
	Bạch Long Vĩ	-2	53	62	-38	-42	20	119	-30	-106
Thái Bình	Thái Thụy	11	44	59	-52	-35	29	97	-54	-115
Nam Định	Hải Hậu	-5	54	60	-36	-40	18	123	-29	-100
Ninh Bình	Kim Sơn	-10	61	52	-31	-38	20	127	-35	-91
Thanh Hóa	Quảng Xương	-13	62	52	-29	-37	16	137	-43	-89
Nghệ An	Diễn Châu	-13	61	50	-28	-34	14	142	-32	-81
	Hòn Ngư	-12	60	46	-24	-27	16	103	-16	-64
Hà Tĩnh	Thạch Hà	-12	58	44	-24	-29	17	101	-11	-62
Quảng Bình	Quảng Trạch	-15	57	34	-16	-30	18	87	6	-53
	Quảng Ninh	-25	61	6	6	-34	32	49	27	-47
Quảng Trị	Gio Linh	-26	59	-7	14	-29	37	29	37	-33
	Còn Cỏ	-25	56	-18	19	-25	40	9	43	-18
Thừa Thiên Huế	Hương Trà	-26	57	-21	16	-27	43	9	33	-25
	Phú Lộc	-20	49	-25	21	-19	41	-8	40	-4
TP. Đà Nẵng	Sơn Trà	-16	43	-32	23	-13	40	-22	33	3
	Hoàng Sa	-12	37	-37	23	-9	40	-31	27	11
Quảng Nam	Tam Kỳ	-5	27	-49	15	1	45	-51	2	2
	Cù Lao Chàm	-8	35	-44	25	-1	43	-44	20	15
Quảng Ngãi	TP. Quảng Ngãi	-11	35	-41	24	-3	42	-39	21	12
	Lý Sơn	-7	37	-52	28	1	49	-54	16	13
Bình Định	Phú Mỹ	-8	33	-51	24	0	46	-52	14	11
	Quy Nhơn	-6	35	-56	26	2	50	-58	12	4
Phú Yên	Tp. Tuy Hòa	-7	37	-58	27	3	52	-61	10	4
Khánh Hòa	TP. Nha Trang	-4	38	-56	26	3	52	-59	8	9
	Trường Sa	-10	38	-58	23	0	54	-58	7	6
Ninh Thuận	TP. PR-Tháp Chàm	-6	34	-57	18	5	47	-57	-4	13
Bình Thuận	TP. Phan Thiết	-16	42	-66	23	-6	54	-63	4	5
	Phú Quý	-14	59	-60	15	19	48	-39	-31	46
Bà Rịa Vũng Tàu	Vũng Tàu	-14	43	-61	20	2	51	-58	-5	14
	Côn Đảo	67	0	31	-78	113	-22	59	-136	131
TPHCM	Cần Giờ	74	-14	42	-99	108	-24	68	-145	116
Tiền Giang	Gò Công Tây	84	-4	48	-85	129	-30	76	-147	145
Bến Tre	Ba Tri	89	-3	53	-87	135	-33	84	-152	152
Trà Vinh	Duyên Hải	93	-5	64	-93	140	-36	93	-157	156
Sóc Trăng	Tân Phú	99	-24	68	-115	146	-45	99	-173	157
Bạc Liêu	TP. Bạc Liêu	117	-43	94	-133	156	-54	118	-177	156
Cà Mau	Năm Căn	136	-61	116	-146	149	-53	126	-170	132
	Trần Văn Thời	104	-36	97	-118	99	-22	102	-130	78
Kiên Giang	Rạch Giá	29	18	39	-39	24	6	51	-50	30
	Phú Quốc	-1	25	24	-3	-9	13	42	-14	10
	Thổ Chu	4	24	33	11	-16	10	29	15	-9

Vùng Biển	Độ cao sóng biển dự báo trong 48 giờ		
	Độ cao sóng lớn nhất (m)	Hướng thịnh hành	Ghi chú
Bắc vịnh Bắc Bộ	0.3 - 2.6	Đông Nam, Đông Bắc, Đông	CB
Nam vịnh Bắc Bộ	1.3 - 2.7	Đông, Đông Nam, Đông Bắc	CB
Quảng Trị đến Quảng Ngãi	0.7 - 1.8	Đông, Đông Bắc	
Bình Định đến Ninh Thuận	0.7 - 0.9	Đông Bắc	
Bình Thuận đến Cà Mau	0.3 - 1.1	Đông, Đông Bắc	
Cà Mau đến Kiên Giang	0.3 - 0.7	Đông Nam, Đông	
Quần đảo Hoàng Sa	0.9 - 1.0	Đông Bắc, Đông	
Quần đảo Trường Sa	0.8 - 1.0	Đông Bắc	
Bắc Biển Đông	0.9 - 2.3	Đông Bắc, Đông	CB
Giữa Biển Đông	0.5 - 1.1	Đông Bắc, Bắc	
Nam Biển Đông	0.6 - 1.4	Đông Bắc	

Tin phát lúc: **13 giờ 00**

Thời điểm phát tin dự báo tiếp theo: 13 giờ 00 ngày 11/04/2020

Người xây dựng bản tin: Nguyễn Thị Lan

Người soát bản tin: Lê Quốc Huy

Biến trình mực nước tổng cộng tại 10 trạm Hải văn

(Cửa Ông, Hòn Dáu, Bạch Long Vĩ, Hòn Ngư, Sơn Trà, Quy Nhơn, Phú Quý, Vũng Tàu, Rạch Giá, Phú Quốc)

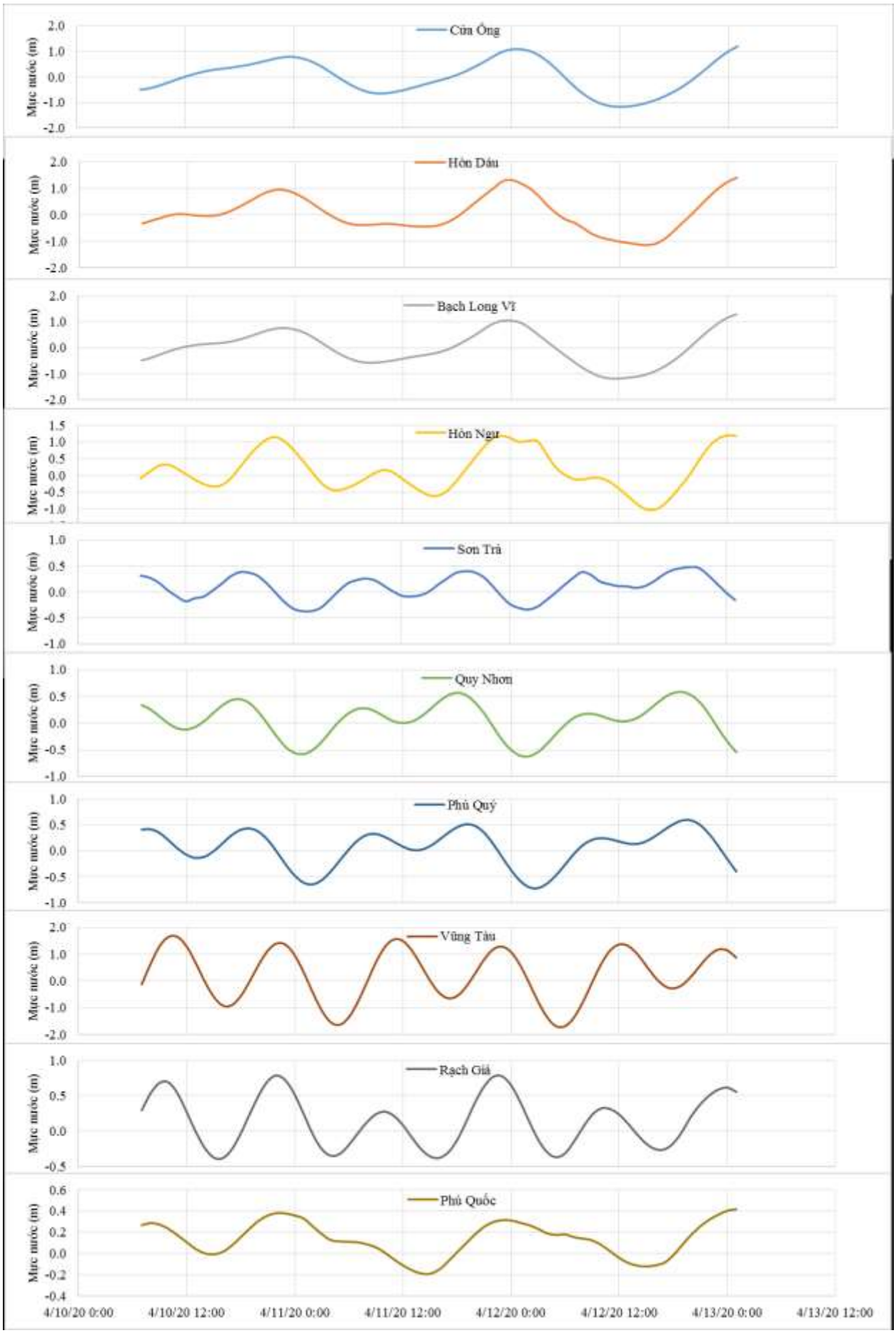

Phân bố độ cao sóng ven bờ và ngoài khơi biển Việt Nam

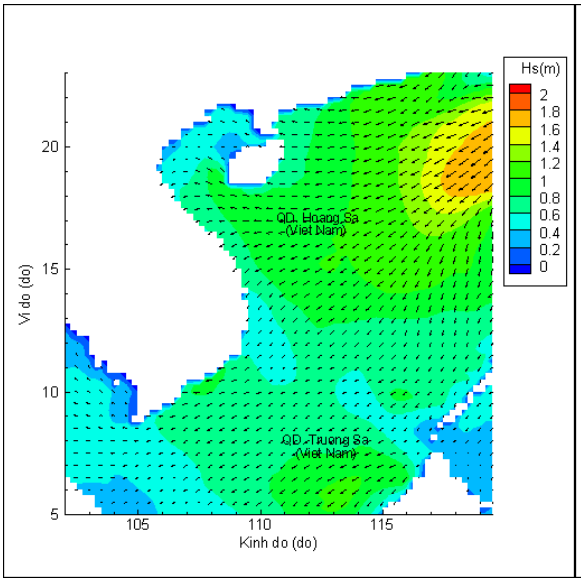

Lúc 13h ngày 10/04/2020

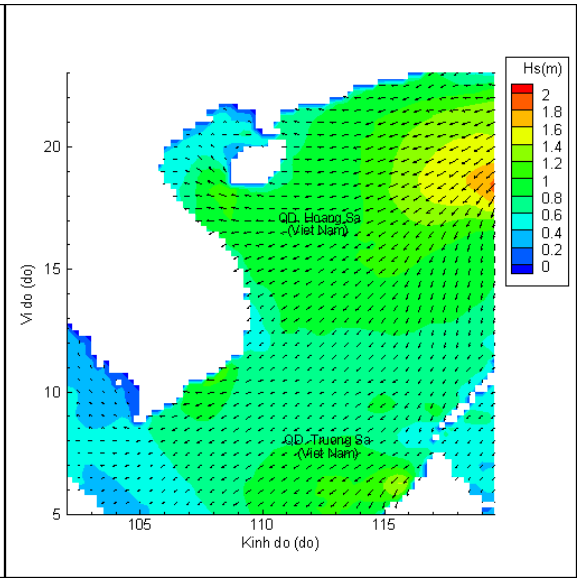

Lúc 19h ngày 10/04/2020

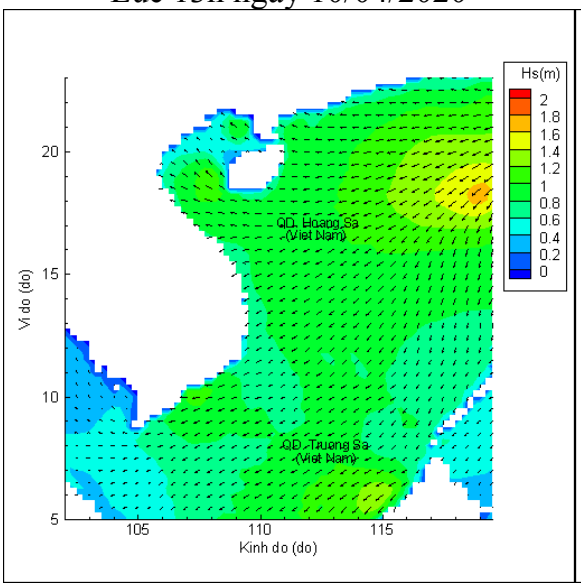

Lúc 01h ngày 11/04/2020

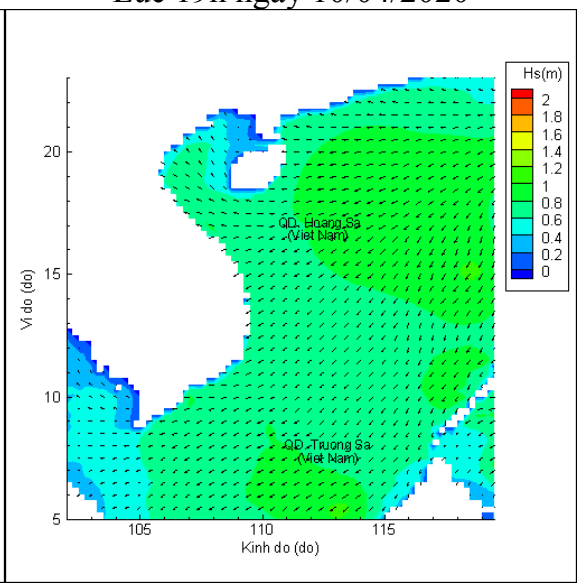

Lúc 13h ngày 11/04/2020

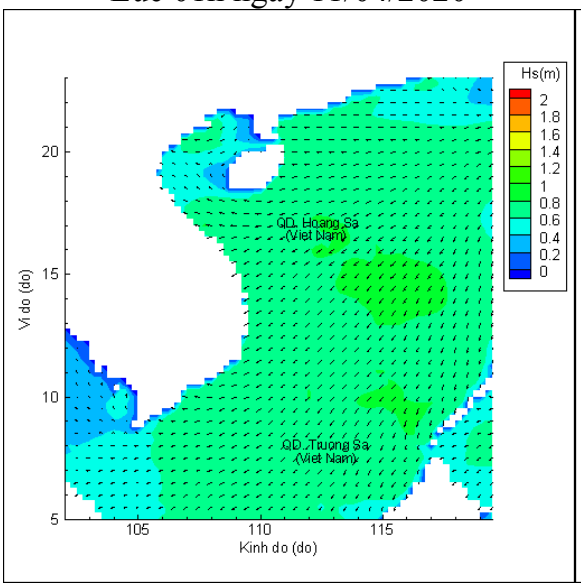

Lúc 01h ngày 12/04/2020

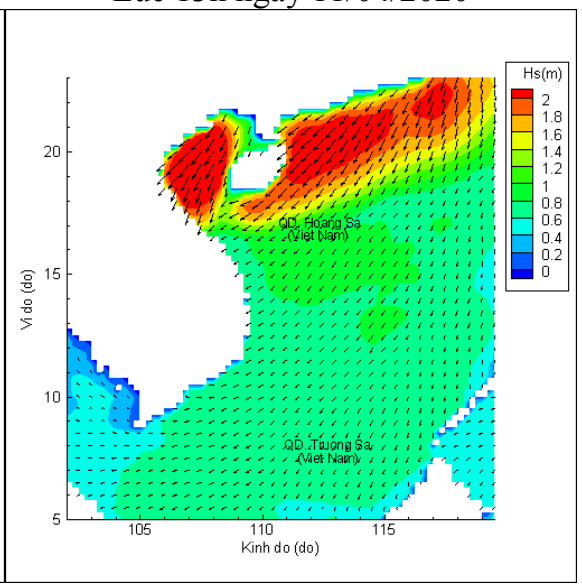

Lúc 13h ngày 12/04/2020